TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THANH KHÊ
TP ĐÀ NẴNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST
Ngày 31.01.2018
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Hậu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thuận

Ông Đỗ Xuân Phi

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Dương Thị Thái - Cán bộ Toà án nhân dân quận Thanh Khê.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Bách - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2018 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân quận Thanh Khê mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 470/2017/TLST-HNGĐ ngày 03.10.2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 470/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12.01.2018 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Thị S**, sinh năm: 1982, ĐKHKTT: đường L, phường G, quận T, thành phố Đà Nẵng; Chỗ ở: đường P, quận T, thành phố Đà Nẵng. *Có mặt*

* *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Đình P**, sinh năm: 1964; địa chỉ: đường L, phường G, quận T, thành phố Đà Nẵng. *Có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện, quá trình xét xử nguyên đơn Phạm Thị S trình bày:***

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà và ông Nguyễn Đình P xây dựng gia đình vào năm 2003, đăng ký kết hôn tại UBND phường G, quận T, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống, do bất đồng về quan điểm sống nên vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã, gây gỗ với nhau dẫn đến đời sống chung hết sức nặng nề, ngột ngạt. Nay bà nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Đình P.

- *Về con chung:* Bà S xác định bà và ông Nguyễn Đình P có 02 con chung là Nguyễn Thị Hồng PH, sinh ngày 24/9/2004 và Nguyễn Hoàng PH1, sinh ngày 07/6/2007. Ly hôn, bà S yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con chung và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà S xác định bà và ông Nguyễn Đình P không có tài sản chung, không có nợ chung.

**** Tại các bản tự khai, tại phiên tòa bị đơn Nguyễn Đình P trình bày:***

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông thống nhất với lời trình bày của bà Phạm Thị S về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, việc kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Ông P cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình và quan điểm sống không phù hợp. Bà S yêu cầu ly hôn thì ông xin được đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái nhưng trường hợp bà S vẫn cương quyết ly hôn thì ông cũng đồng ý.

- *Về con chung:* Ông P thống nhất xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Hồng PH và Nguyễn Hoàng PH1 như bà S đã trình bày. Trường hợp ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hoàng PH1 và giao cho bà S nuôi dưỡng con chung Hồng PH, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Ông P thống nhất xác định ông và bà S không có tài sản chung, không có nợ chung.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê phát biểu ý kiến:***

Về tố tụng: Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Tòa án đã thụ lý vụ án, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của đương sự, xác minh, thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn và nuôi dưỡng con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:**

Nguyên đơn bà Phạm Thị S khởi kiện về "Ly hôn và tranh chấp về nuôi dưỡng con chung" đối với bị đơn là ông Nguyễn Đình P có địa chỉ cư trú tại đường

L, phường G, quận T, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

*** Về nội dung:**

[1] Quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị S và ông Nguyễn Đình P đã tuân thủ đầy đủ các quy định về kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, giữa vợ chồng P sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xảy ra cãi vã. Bà S xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với ông P và ông P cũng đồng ý ly hôn. Xét sự thuận tình ly hôn giữa bà S và ông P hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, phù hợp với quy tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên cần ghi nhận.

[2] Quan hệ con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Bà S và ông P đều xác định ông bà có 02 con chung là Nguyễn Thị Hồng PH, sinh ngày 24/9/2004 và Nguyễn Hoàng PH1, sinh ngày 07/6/2007. Cả bà S và ông P đều có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung, bà S yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung, còn ông P yêu cầu mỗi người nuôi dưỡng một con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy cả hai cháu PH và PH1 chưa thành niên nên cần phải có người trực tiếp nuôi dưỡng khi các bên ly hôn. Việc bà S yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu ông P cấp dưỡng là không có cơ sở, bởi lẽ đây là con chung của hai vợ chồng nên các bên đều có nghĩa vụ và trách nhiệm nuôi con, cả bà S và ông P đều có điều kiện nuôi con nên không thể giao hai con cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng. Xét cháu PH là bé gái đang ở tuổi dậy thì cần người mẹ quan tâm và chia sẻ nên giao cháu Nguyễn Thị Hồng PH cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng; còn cháu Nguyễn Hoàng PH1 là con trai cần giao cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Các bên đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét vấn đề này.

[3] Quan hệ tài sản chung và nợ chung: cả nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất xác định ông bà không có tài sản chung, không có nợ chung nên HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQHK14, nguyên đơn Phạm Thị S phải án phí ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 51, 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHK14 của UBTV Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Phạm Thị S và ông Nguyễn Đình P.

2. Về con chung: Giao cho bà Phạm Thị S trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Hồng PH, sinh ngày 24/9/2004; giao cho ông Nguyễn Đình P trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng PH1, sinh ngày 07/6/2007 cho đến tuổi thành niên. Bà Phạm Thị S và ông Nguyễn Đình P không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Vì quyền lợi của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Bà Phạm Thị S phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng; được khấu trừ số tiền tạm ứng đã nộp 300.00đ theo Biên lai thu số 7510 ngày 03.10.2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Bà S đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Hậu